

## GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ “TAM NÔNG” THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

*ThS. Nguyễn Quốc Nghi<sup>1</sup>*

### TÓM TẮT

*Nông nghiệp, nông thôn và nông dân giữ vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế xã hội Việt Nam, với hơn 70% dân số thuộc khu vực nông thôn, giữ vai trò đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đem lại nguồn ngoại tệ lớn cho nền kinh tế. Đảng và Nhà nước ta luôn xem sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn và không ngừng nâng cao đời sống nông dân là nhiệm vụ có tính chiến lược hàng đầu. Với tầm quan trọng đó, “tam nông” có ý nghĩa to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Vì thế, nếu giải quyết tốt những vấn đề tồn tại, hạn chế của “tam nông” sẽ tạo điều kiện phát huy các nguồn lực to lớn trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội mạnh mẽ.*

### ABSTRACT

*Agriculture, rural areas and farmers play a crucial role in the socio-economy of Vietnam, with over 70% of the population living in rural areas, and ensure the national food security and bring in a large amount of foreign exchange to the economy. The Party and State have always considered the development of agriculture, rural areas and continuous improvement of farmers' lives is a strategic mission. With that importance, that the “three agricultural issues” have a great significance in promoting economic and social development. Thus, if the existing problems of these three issues are solved properly, the conditions for developing the resources of agriculture, rural areas and farmers will be promoted and thereby promoting economic strong associations.*

### 1. Đặt vấn đề

Nền nông nghiệp - một lĩnh vực giữ vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế khác, nông nghiệp đã có sự đóng góp đáng kể vào nền kinh tế chung của đất nước. Nông nghiệp không chỉ cung cấp lương thực, thực phẩm cho nhu cầu đời sống xã hội, mà còn là nguồn thu ngoại tệ lớn cho ngân sách Nhà nước thông qua việc xuất khẩu nhiều mặt hàng nông thủy sản, góp phần cải thiện đời sống nông dân và thay đổi bộ mặt nông thôn. Nhận thấy được tầm quan trọng của nền nông nghiệp nông thôn nước ta, Đảng và Nhà nước đã chú trọng và tích cực chỉ đạo trong việc ban hành các chủ trương, chính sách liên quan đến công tác sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ nông

sản,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đã được Đảng ta rất quan tâm, điều này được thể hiện trong văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung Ương khóa X: “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng... Các vấn đề nông nghiệp, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước... Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của hệ thống chính trị và toàn xã hội”. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ, vấn đề “tam nông” ngày

<sup>1</sup>Giảng viên Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Cần Thơ.

càng được chú trọng nhiều hơn, trở thành vấn đề nóng bỏng thu hút mọi sự quan tâm của xã hội. “Tam nông” thực sự vẫn còn nhiều tồn tại, bất cập điển hình như: sản xuất nông nghiệp vẫn là nền sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún; nông dân chưa thật sự an tâm “bám sát” đồng ruộng; cơ cấu dân cư và mức sống ở thành thị và nông thôn còn khoảng cách quá xa,... Chính vì vậy, cần những hành động mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn nhằm giải quyết tốt các tồn tại, bất cập của “tam nông”, tạo điều kiện phát huy các nguồn lực to lớn trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân, từ đó đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội.

## 2. Chính sách “tam nông” trong nền kinh tế nông nghiệp Việt Nam

Với việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ mới xuất hiện, tập trung chăn nuôi với quy mô lớn, trồng rừng sản xuất phát triển mạnh, giảm tỷ lệ hộ nghèo, đảm bảo an sinh xã hội đã khẳng

định vai trò quan trọng của “tam nông” trong việc phát triển kinh tế - xã hội.

### 2.1. Nông nghiệp

Tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trong ba năm 2008 - 2010 cho thấy, giá trị sản xuất nông - lâm và thủy sản đều tăng (1,1 lần). Nông nghiệp chiếm giá trị lớn nhất trong tổng giá trị sản xuất nông - lâm và thủy sản, trong đó trồng trọt chiếm trung bình 77,2% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp qua 3 năm, thủy sản và lâm nghiệp tăng đều qua các năm, đã đóng góp đáng kể vào tình hình sản xuất chung của ngành. Đạt được kết quả tốt như trên là do sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng và Nhà nước trong tất cả các khâu sản xuất, thu hoạch và tiêu thụ nông sản, công tác quản lý dịch bệnh tốt đã thúc đẩy chăn nuôi phát triển, lâm nghiệp phục hồi và phát triển ổn định do chính sách, cơ chế chỉ đạo phù hợp, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt nhiều thành tựu.

**Bảng 1: Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản**

	Thực hiện (tỷ đồng)			Năm 2010 so với 2009 (%)	Năm 2010 so với 2008 (%)
	2008	2009	2010		
<b>Tổng số</b>	<b>211.998</b>	<b>222.233,9</b>	<b>232.652,2</b>	<b>104,7</b>	<b>109,7</b>
<b>Nông nghiệp</b>	<b>155.180</b>	<b>161.536,5</b>	<b>168.385,6</b>	<b>104,2</b>	<b>108,5</b>
Trồng trọt	120.874	124.487,3	129.406,7	104,0	107,1
Chăn nuôi	30.939	33.547,2	35.367,5	105,4	114,3
Dịch vụ	3.367	3.502,0	3.611,3	103,1	107,3
<b>Lâm nghiệp</b>	<b>6.748</b>	<b>7.043,2</b>	<b>7.365,0</b>	<b>104,6</b>	<b>109,1</b>
<b>Thủy sản</b>	<b>50.070</b>	<b>53.654,2</b>	<b>56.901,6</b>	<b>106,1</b>	<b>113,6</b>
Nuôi trồng	33.288	35.338,7	37.431,5	105,9	112,4
Khai thác	16.782	18.315,5	19.470,1	106,3	116,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê (theo giá so sánh 1994)

### 2.2. Nông thôn

Trong những năm gần đây, nông thôn Việt Nam đã và đang từng bước phát triển, khởi sắc từng ngày cả về kinh tế, cơ sở hạ

tầng và đời sống văn hóa. Hầu hết, người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, miền núi, hải đảo,... có thể nắm bắt thông tin nhanh chóng, kịp thời thông qua

các phương tiện thông tin đại chúng như: sách báo, ti vi, truyền thanh, internet, hoạt động văn hóa nghệ thuật...; đồng thời cơ sở hạ tầng: điện, nước, giao thông, trường học, trạm xá... được xây dựng và nâng cấp ngày càng nhiều. Quyết định số 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Đề án nêu rõ, phát triển văn hóa nông thôn phải gắn liền với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Mục tiêu đến năm 2015, vùng đồng bằng có 50%, vùng miền núi, hải đảo, biên giới khoảng 30% người dân tham gia thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao; tương tự 70% và 50% nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2020, phần đầu 100% thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định; 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa. Tuy đang gặp phải nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đề án vẫn được xem là một cuộc cách mạng, sẽ mang lại sự biến đổi sâu sắc diện mạo nông thôn theo chiều hướng có lợi cho người nông dân Việt Nam.

### 2.3. Nông dân

Dân số cả nước đa phần là nông dân, tập trung đông về nông thôn, chủ yếu hoạt động về nông nghiệp. Tính đến năm 2010, dân số khu vực nông thôn là 60,92 triệu người, chiếm 70,1%, tăng 0,63% so với năm 2009. Trình độ chuyên môn, kỹ thuật thấp, các nguồn lực còn nhiều hạn chế, đời sống người dân ngày càng khó khăn hơn khi giá cả nhiều hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tăng cao, cùng với thiên tai liên tiếp xảy ra. Trước tình hình đó, các ngành, các cấp và tổ chức đoàn thể đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chú trọng nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ cho nông dân và hộ nghèo để phát triển sản xuất kinh doanh,

tăng thu nhập. Chương trình 135 giai đoạn 2006–2010 (Giai đoạn II) được thực hiện trên địa bàn 50 tỉnh với 369 huyện, 1958 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và 3274 thôn bản đặc biệt của 1291 xã khu vực II với số vốn ngân sách Trung Ương cấp 14 nghìn tỷ đồng. Cũng trong năm 2010, đã có 43,6 nghìn ngôi nhà được xây mới và sửa chữa dành cho các đối tượng và gia đình chính sách; 1,9 triệu lượt học sinh, sinh viên của hơn 1,7 triệu lượt hộ gia đình được vay vốn hỗ trợ học tập. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 là 10,6%, giảm so với mức 12,3% năm 2009.

### 3. Những vấn đề đặt ra của “tam nông” trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020

Theo Nghị quyết số 06/NQ-TW, ngày 10/11/1998 của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn đã chỉ rõ: “Coi trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn lên sản xuất lớn là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội..., đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Điều này cho thấy sự nhìn nhận của Đảng và Nhà nước ta về vai trò vô cùng quan trọng của nông nghiệp nông thôn trong nền kinh tế, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn thế nữa, đóng góp của khu vực nông nghiệp nông thôn đối với sự ổn định và tăng trưởng kinh tế là hết sức quan trọng, đặc biệt là trong những năm đầu cải cách kinh tế. Mặc dù tỷ trọng đóng góp vào GDP cả nước của ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2001-2010 giảm dần qua các năm nhưng ngành nông nghiệp, nông thôn đã có sự chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Trước sự phát triển của kinh tế thế giới, Việt Nam không ngừng nỗ lực phấn đấu để có thể bắt nhịp với tình hình chung của thời đại, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trong trường quốc tế được tiếp tục nâng cao lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”. Để thấy được vai trò của “tam nông” trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020, chúng ta cần xem xét, đánh giá và đề xuất giải pháp cho các vấn đề sau:

**Vấn đề qui mô sản xuất và kỹ thuật canh tác:** Diện tích đất nông nghiệp ngày càng ít và lại giảm nhanh do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Từ năm 2001-2010, mỗi năm bình quân đất nông nghiệp giảm gần 100 nghìn ha, chủ yếu là đất trồng cây hàng năm. Tổng số đất nông nghiệp hiện có của nước ta là 9.598.800 ha, nhưng lại có trên 12 triệu hộ dân làm nông nghiệp (nếu tính số hộ sinh sống ở nông thôn là trên 14 triệu hộ). Tuy mỗi hộ chỉ có bình quân 0,78 ha, mỗi lao động có 0,3 ha và mỗi nhân khẩu chỉ có 0,15 ha, nhưng có tới 5-7 mảnh khác nhau cho một hộ, và cả nước có trên 70 triệu mảnh đất ruộng lớn nhỏ. Bên cạnh đó, chất lượng và độ phì nhiêu của đất nông nghiệp cũng giảm dần do ô nhiễm nặng cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển khu công nghiệp. Mặc khác, sản xuất nông nghiệp chủ yếu dựa trên nền tảng truyền thống gia đình nên việc áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào các hoạt động sản xuất còn gặp không ít khó khăn. Sản xuất với phương thức lấy sản lượng là mục tiêu, chưa quan tâm đến chất lượng. Công nghệ sau thu hoạch, bảo quản và sơ chế nông

sản vẫn còn lạc hậu nhưng chậm cải tiến. Chất lượng nông sản nói chung, nông sản hàng hóa nói riêng vẫn còn thấp và chưa đều giữa các vùng các địa phương. Nông sản xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm thô, tỷ trọng sản phẩm tinh chế còn quá thấp nên sức cạnh tranh thấp.

**Vấn đề việc làm và thu nhập:** Tình trạng lao động nông thôn thiếu việc làm là vấn đề đã tồn tại từ lâu và ngày càng trở nên gay gắt. Diện tích đất nông nghiệp giảm đã làm tăng nhanh tình trạng thất nghiệp, nhất là vùng ĐBSCL. Trong tổng số lao động của các nông hộ mất đất, số người tìm được việc làm phi nông nghiệp tại địa bàn chỉ chiếm 13%, 20% thất nghiệp hoàn toàn, 67% chỉ có việc làm nông nghiệp vào thời vụ. Bên cạnh đó, ngành nghề, dịch vụ phi nông nghiệp phát triển chậm và không ổn định, không có khả năng thu hút lao động dư thừa từ nông nghiệp. Chính vì vậy, tuy tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm trên 70% lao động xã hội, nhưng chỉ tạo ra hơn 20% GDP. Số lao động nông nhân tăng lên trong khi việc làm ở nông thôn ngày càng ít, làm nảy sinh các mặt tiêu cực và tệ nạn xã hội. Nông dân chiếm 70,1% dân số cả nước nhưng đất canh tác thì ít, trình độ tay nghề, chuyên môn còn rất hạn chế. Chính vì vậy, để người dân có thể tìm được việc làm có thu nhập ổn định là rất khó khăn. Đã thế, họ còn thường xuyên chịu tổn thất do tác động của thiên tai, do điều kiện sống không tốt và sự thay đổi liên tục của vật giá trên thị trường nên cuộc sống luôn rơi vào cảnh nghèo khó khăn. Theo Tổng cục Thống kê, chênh lệch giữa nhóm 20% dân cư có thu nhập cao nhất và nhóm 20% có thu nhập thấp nhất (chủ yếu là nông dân) hiện nay của ta là 8,4 lần và sẽ còn tiếp tục gia tăng. Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng ở khu vực nông thôn năm 2008 là 762.200 đồng so với 1.605.200 đồng ở thành thị. Cho đến năm 2010, cơ cấu kinh tế nông thôn vẫn trong tình trạng mất cân đối lớn, chủ yếu là nông nghiệp 74,53%;

nông nghiệp và xây dựng 9,73%; dịch vụ 15,74%. Điều này cho thấy đời sống giữa dân cư thành thị với nông thôn, giữa miền núi với miền xuôi có khoảng cách về kinh tế ngày càng lớn và có xu hướng gia tăng. Đây chính là thách thức lớn đối với quá trình đổi mới của nước ta.

**Vấn đề cơ cấu dân số giữa thành thị và nông thôn:** Trong giai đoạn 1990-2000, dân cư sống ở khu vực đô thị của nước ta mới tăng lên được 4,47%. Mười năm tiếp

theo từ 2001-2010, dân cư sinh sống ở khu vực đô thị tăng thêm được 5,93%, đây là giai đoạn được xem là tập trung đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa. Tổng cộng cả hai thời kỳ cho thấy, dân cư sống ở đô thị tăng được 10,4%. Với mức độ tăng dân cư sinh sống ở đô thị như trên thì để đến năm 2020 dân cư sống ở đô thị có tăng đến mức 45% như chiến lược phát triển đã đề ra là một vấn đề không đơn giản.

**Bảng 2: Tình hình phân bố dân cư ở thành thị và nông thôn**

Khu vực	Năm 1990		Năm 2000		Năm 2010	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
Thành thị	12.880.700	19,5	18.619.990	23,97	26.010.000	29,9
Nông thôn	53.136.400	80,5	59.065.600	76,03	60.920.000	70,1
Tổng	66.016.700	100	77.685.500	100	86.930.000	100

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

**Vấn đề chất lượng nguồn nhân lực:** Nguồn nhân lực có chất lượng cao giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển nhanh hay chậm của mọi quốc gia. Tuy nhiên, quá trình phát triển của nước ta cho thấy, việc nâng cao trình độ của nguồn nhân lực vẫn là một bài toán rất khó giải quyết. Tỷ trọng lao động sau 19 năm trong khu vực nông nghiệp đã giảm được 20,35%, nhưng ngược lại số lượng lao động thực tế lại tăng

2.889.500 người và số lao động không có chuyên môn kỹ thuật giảm 12,23%. Để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp thì việc giảm tỷ lệ lao động không có chuyên môn ở khu vực nông nghiệp từ 80% xuống 50-55% theo Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI là một nhiệm vụ cấp thiết.

**Bảng 3: Diễn biến của lao động khu vực nông nghiệp giai đoạn 1990-2009**

Chỉ tiêu	Năm 1990	Năm 2000	Năm 2009
Tổng số lao động (người)	21.889.000	24.480.600	24.788.500
Tỷ lệ so với LĐ cả nước (%)	72,27	65,09	51,92
Tỷ lệ LĐ không có chuyên môn kỹ thuật	92,23	90,73	80,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

**Vấn đề đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn:** Thực ra không phải là năm 2010 mà đã lâu chúng ta đầu tư cho nông nghiệp chưa xứng tầm. Đầu tư cho nông - lâm - thủy sản năm 2009 chỉ bằng 6,26% tổng đầu tư toàn xã hội (44.380 tỷ đồng

so với 708.826 tỷ đồng), trong khi GDP của ngành này là 20,91%. Trước đó, năm 2000, cách đây 10 năm còn được 13,85% (20.933 tỷ đồng so với 151.183 tỷ đồng) với GDP của ngành này chiếm 24,53%. Nhưng cho đến nay, tỷ trọng này giảm

dần và chỉ còn 6,26%. Rõ ràng đầu tư cho nông nghiệp ngày càng giảm, hiện nay bằng 30% so với trung bình tương đương giá trị GDP của chính ngành này mang lại. Đầu tư nước ngoài (FDI) vào ngành này năm 2008 chỉ chiếm 0,32% (223,5 triệu USD so với 71.726 triệu USD) tổng đăng ký đầu tư FDI đưa vào Việt Nam, năm 2009 là 0,58%. Toàn giai đoạn từ năm 1988 đến 2009 (4.379,1 triệu USD so với 194.429,5 triệu USD), 21 năm qua thì đầu tư FDI cho ngành nông nghiệp chỉ có 2,25%, trong khi trung bình toàn bộ giai đoạn này GDP nông nghiệp chiếm 27,7%. Rõ ràng, ngành nông nghiệp không hấp dẫn nhà đầu tư nước ngoài, cũng không hấp dẫn nhà đầu tư trong nước, nhưng có thể nói cũng không hấp dẫn các nhà hoạch định chính sách [1].

**Vấn đề tiêu thụ nông sản:** Năm 2008, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Năm 2009, Chính phủ có chính sách kích cầu nông nghiệp, thu mua lúa tạm trữ, hỗ trợ lãi suất cho nông dân mua máy móc nông nghiệp, khuyến khích mở rộng thị trường nông thôn... Tuy nhiên, vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân vẫn còn nhiều bất cập [2]. Quyết định 80 của Chính phủ, chương trình liên kết 4 nhà về tiêu thụ hàng hóa theo hợp đồng không đạt kết quả đáng kể. Tình trạng “trúng mùa mất giá” vẫn diễn ra hàng năm, vấn đề thương hiệu nông sản vẫn chưa được quan tâm đúng mức, nhiều vụ kiện bán phá giá vẫn là bài toán thách thức đối với hàng nông sản Việt Nam.

#### **4. Một số khuyến nghị cho vấn đề “tam nông” nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020**

Trước những vấn đề khó khăn, tồn tại của “tam nông” trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Tác giả có đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần giải quyết những tồn tại, hạn chế, tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020 như sau:

**Thứ nhất, chính sách đất đai:** Đất đai có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, đồng thời là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài các chính sách về đất đai đã được Nhà nước ban hành trước đây như: chính sách cải tạo ruộng đất và tập trung ruộng đất, chính sách hạn điền, chính sách chuyển quyền sử dụng đất,... thì Nhà nước cũng cần sớm điều chỉnh quản lý sử dụng đất đai trên cả nước theo những hướng sau: không được lấy đất nông nghiệp tốt cho mục đích làm công nghiệp và đô thị hóa; cho phép chuyển đổi hay mua bán đất nông nghiệp để tích tụ ruộng đất, nhưng không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp; bảo vệ và phát triển quỹ đất, đồng thời sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả, nâng cao chất lượng đất trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

**Thứ hai, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn:** Nhà nước cần có chính sách chuyển dịch nguồn lực lao động từ lĩnh vực kém hiệu quả sang lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao; khuyến khích sự chuyển dịch các nguồn lực từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ nông thôn, đồng thời phải đảm bảo sự phát triển bền vững của nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp. Lãnh đạo từng địa phương cần khắc phục việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế tự phát và theo phong trào, sản xuất theo chiến dịch. Bên cạnh đó, cần đổi mới các ngành như công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản, dịch vụ nông nghiệp và tăng cường liên kết chặt chẽ với nông nghiệp, nông dân.

**Thứ ba, chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp:** Nhân tố quyết định của mọi quá trình sản xuất là con người. Tuy nhiên, với nguồn lao động trình độ thấp, chưa được đào tạo nghề là rào cản và thách thức lớn đối với nền kinh tế nông nghiệp, nông thôn hiện nay. Đảng

và Nhà nước cần có những chính sách tăng cường hỗ trợ về văn hóa, giáo dục, trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: tiếp tục ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề và hướng nghiệp cho khu vực nông thôn, đặc biệt chú trọng đến chất lượng đào tạo nghề theo nhu cầu thị trường; coi trọng việc đãi ngộ nhân lực có trình độ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**Thứ tư, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và áp dụng khoa học - công nghệ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn:** Chính sách cần tập trung phát triển về hệ thống giao thông, thủy lợi, mạng lưới điện, thông tin - truyền thông, hệ thống nước sạch, bệnh viện, trường học,... các hệ thống chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản nhằm tăng cường khả năng tiếp cận các loại kỹ thuật mới cho nông dân; phát triển công nghệ sinh học, công nghệ vi sinh vật phục vụ chọn tạo và nhân giống cây trồng vật nuôi. Chính vì vậy, Nhà nước cần tăng cường vốn đầu tư ngân sách trực tiếp cho xây dựng cơ sở hạ tầng; có chính sách khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân trong và nước ngoài đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn với những hình thức phù hợp và những điều kiện ưu đãi.

**Thứ năm, chính sách tài chính-tín dụng:** Hệ thống chính sách ở Việt Nam chưa đủ mạnh để thu hút các dòng vốn đầu tư của xã hội cho phát triển nông nghiệp nông thôn. Do vậy, cần có chính sách mạnh hơn để thu hút các nguồn vốn xã hội đầu tư cho khu vực nông nghiệp nông thôn, trong đó cần chú ý tăng cường vai trò của Chính phủ như trong các hoạt động tín dụng nông thôn, tăng cường năng lực tài chính, quản trị rủi ro và đổi mới hoạt động của các tổ chức tín dụng nông nghiệp và nông thôn, nông cốt là Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ Tín dụng Nhân dân [3], thông qua các biện pháp như sau: Cải tiến phương thức cho vay vốn ngân hàng; Tăng cường khả

năng thẩm định dự án, phương thức sản xuất; Cần chú trọng cho vay đối với hộ sản xuất, doanh nghiệp vừa và nhỏ; Tăng cường đa dạng hóa các nguồn vốn và sản phẩm tín dụng cho phát triển nông nghiệp và nông thôn; Kết hợp nhiều phương thức cho vay linh hoạt như cho vay dự án đầu tư, cho vay hạn mức tín dụng, cho vay hợp vốn...; Phát triển loại hình tín dụng cho thuê tài chính trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; Tăng cường phối hợp giữa các tổ chức tín dụng, đoàn thể và chính quyền địa phương; Cần có sự liên kết hỗ trợ lẫn nhau giữa 3 nhà: Nhà nước, nhà doanh nghiệp và nhà nông để tạo thuận lợi và hiệu quả hơn cho triển khai các hoạt động hỗ trợ nông dân.

**Thứ sáu, chính sách xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông sản:** Phương thức sản xuất lạc hậu, năng suất thấp, chất lượng và quy cách sản phẩm không đồng đều, chi phí cao, chưa coi trọng về thương hiệu và quảng bá tiếp thị,... nên việc cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam đang là khó khăn lớn. Khắc phục những hạn chế của hàng nông sản xuất khẩu, đồng thời tăng sức cạnh tranh, làm tốt công tác xây dựng thương hiệu và quảng bá tiếp thị, mở rộng thị trường, đặc biệt cần đột phá vào thị trường lớn và mới như Mỹ, EU, Châu Phi, Nhật Bản,... là trách nhiệm chung của Nhà nước, các bộ ngành và các doanh nghiệp.

## 5. Kết luận

Tóm lại, “tam nông” giữ một vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội nước ta. Tuy nhiên, tiềm năng phát triển của nông nghiệp, nông thôn và nông dân vẫn chưa được đánh thức vì thế khả năng đóng góp của “tam nông” vào tăng trưởng kinh tế vẫn còn hạn chế. Với mức tăng trưởng như vậy, vấn đề đặt ra là đến năm 2020 Việt Nam có kịp phát triển trở thành một nước công nghiệp như định hướng của Đảng và Nhà nước đã đề ra? Chính vì vậy trong thời gian tới, chúng

ta cần quyết liệt hơn trong việc tháo gỡ những hạn chế, tồn tại của “tam nông” nhằm tạo điều kiện thúc đẩy, phát huy nguồn lực tổng hợp trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1].Nguyễn Đăng Vang (2011), Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa xứng tầm. Báo Đại biểu Nhân dân. Ngày 23.04.2011.

[2].Nguyễn Sinh Cúc, Nguyễn Đình Long (2011), Một số vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam trong quá trình đổi mới. Tạp chí Quản lý kinh tế, số 38.

[3].Nguyễn Minh Phong, Vũ Thị Thúy Hằng (2010), Đồng bộ và đột phá trong chính sách để phát triển nông nghiệp - nông thôn Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo: Triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp – nông thôn.

[4].Nguyễn Thanh Dương (2010), Phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2010: Nhìn lại một năm phấn đấu, Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam, số 4-2010.

[5].Nguyễn Đình Tài (2010), Chính sách mới khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp. Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 14.

[6].Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Khóa X, NXB Chính trị Quốc gia.